

Số 08/2012/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 10 tháng 5 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**V/v quy định số lượng, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn
và chế độ phụ cấp cho Khuyến nông viên, Cộng tác viên
khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đối với hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 04/2009/TT-BNN ngày 21/01/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên chuyên môn, kỹ thuật ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn cấp xã;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2006/NQ-HĐND ngày 25/12/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông, về việc thông qua Đề án “Phát triển khuyến nông, khuyến ngư giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2020”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 07/TTr-SNN ngày 16 tháng 01 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định số lượng, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ phụ cấp cho Khuyến nông viên, Cộng tác viên khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông với các nội dung như sau:

1. Số lượng Khuyến nông viên, Cộng tác viên khuyến nông

a) Mỗi xã, phường, thị trấn trên địa bàn toàn tỉnh được bố trí 01 Khuyến nông viên.

b) Mỗi thôn, bon, buôn, bản, tổ dân phố (sau đây viết tắt là thôn, buôn) trên địa bàn toàn tỉnh được bố trí 01 Cộng tác viên khuyến nông.

2. Tiêu chuẩn tuyển chọn Khuyến nông viên, Cộng tác viên khuyến nông

2.1. Tiêu chuẩn chọn Khuyến nông viên

- a) Là công dân Việt Nam có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Đắk Nông.
- b) Là những người có trình độ tốt nghiệp THPT trở lên.
- c) Hiểu biết và có kinh nghiệm về nông, lâm, ngư nghiệp và có khả năng tiếp thu, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; có khả năng truyền đạt các chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng và Nhà nước (đặc biệt là lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp) cho nông dân.
- d) Phải có uy tín với nhân dân tại địa phương; có tinh thần gương mẫu trong việc đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; thực hiện tốt các chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi.
- e) Có sức khỏe tốt, tự nguyện tham gia và phục vụ lâu dài tại địa phương.

2.2. Tiêu chuẩn chọn Cộng tác viên nông viên

- a) Là công dân Việt Nam có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Đắk Nông.
- b) Là những người có trình độ tốt nghiệp THCS trở lên, tại những vùng không có thì tuyển những người có trình độ cao nhất.
- c) Ưu tiên cho những người là đồng bào dân tộc hoặc những người thông thạo tiếng dân tộc.
- d) Hiểu biết và có kinh nghiệm về nông, lâm, ngư nghiệp và có khả năng tiếp thu, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; có khả năng truyền đạt các chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng và Nhà nước (đặc biệt là lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp) cho nông dân.

3. Cách thức tuyển chọn

- a) Việc tuyển chọn Khuyến nông viên xã, phường, thị trấn do Trạm Khuyến nông - Khuyến ngư huyện phối hợp cùng UBND xã thực hiện.
- b) Việc tuyển chọn Cộng tác viên khuyến nông thôn, buôn, bon do đại diện các hộ nông dân trong buôn, bon lựa chọn, giới thiệu cho Trạm Khuyến nông - Khuyến ngư huyện và UBND xã.
- c) Trạm Khuyến nông - Khuyến ngư huyện, thị xã căn cứ tiêu chuẩn theo quy định phối hợp cùng Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tuyển chọn Khuyến nông viên và Cộng tác viên. Việc tuyển chọn Khuyến nông viên cần ưu tiên bố trí Cán bộ Kế hoạch - Giao thông - Thủy lợi - Nông lâm nghiệp phụ trách khuyến nông để đảm bảo ổn định đội ngũ.

4. Thời hạn hợp đồng

Thực hiện theo quy định của pháp luật về hợp đồng lao động.

5. Quản lý và sử dụng

a) Khuyến nông viên, Cộng tác viên khuyến nông thuộc huyện, thị nào thì chịu sự quản lý và điều hành của Trạm Khuyến nông - Khuyến ngư của huyện thị đó, sử dụng vào việc triển khai các chương trình, đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông, lâm, nghiệp ở địa phương.

b) Khuyến nông viên phải có quan hệ chặt chẽ với chính quyền địa phương, cùng thực hiện nhiệm vụ. UBND xã quản lý trực tiếp Khuyến nông viên về hành chính, công việc và nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động tại địa bàn.

c) Khuyến nông viên xã trực tiếp điều hành Cộng tác viên thôn, buôn về nhiệm vụ chuyên môn.

d) Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư tỉnh quản lý nguồn kinh phí và hướng dẫn Trạm Khuyến nông - Khuyến ngư các huyện, thị xã chi trả phụ cấp cho Khuyến nông viên, Cộng tác viên khuyến nông theo hợp đồng cụ thể.

6. Nhiệm vụ Khuyến nông viên xã, phường, thị trấn

a) Giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức và hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch, chương trình, kế hoạch, đề án khuyến khích phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn.

b) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chính sách của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn.

c) Tổng hợp, hướng dẫn kế hoạch sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản hàng năm; hướng dẫn nông dân thực hiện các biện pháp kỹ thuật chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cây trồng, vật nuôi trong sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản theo quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt.

d) Phối hợp hướng dẫn thực hiện và kiểm tra việc thống kê diễn biến đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, lượng gia súc, gia cầm trên địa bàn cấp xã theo quy định. Tổng hợp tình hình thực hiện tiến độ sản xuất nông nghiệp.

e) Hướng dẫn việc triển khai và phát triển các ngành, nghề, làng nghề truyền thống nông thôn; Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ để phát triển sản xuất và phát triển các ngành, nghề mới nhằm giải quyết việc làm, cải thiện điều kiện làm việc, sinh hoạt của người lao động, cải thiện đời sống của nhân dân địa phương.

f) Giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ công về nông nghiệp và phát triển nông thôn.

g) Báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản, trên địa bàn cấp xã theo quy định.

7. Nhiệm vụ của Cộng tác viên khuyến nông thôn, bon, buôn

a) Hướng dẫn, cung cấp thông tin đến người sản xuất, tuyên truyền chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, tiến bộ khoa học và công nghệ, thông tin thị trường, giá cả, phổ biến điển hình trong sản xuất nông lâm, ngư nghiệp.

b) Bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo truyền nghề cho người sản xuất để nâng cao kiến thức, kỹ năng sản xuất, quản lý kinh tế; tổ chức tham quan, khảo sát, học tập cho người sản xuất.

c) Xây dựng các mô hình trình diễn về tiến bộ khoa học công nghệ phù hợp với địa phương, nhu cầu của người sản xuất và chuyển giao kết quả từ mô hình trình diễn ra diện rộng.

d) Tiếp thu và phản ánh lên cấp có thẩm quyền nguyện vọng của nông dân về khoa học công nghệ, cơ chế chính sách trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

đ) Tư vấn và dịch vụ trong các lĩnh vực:

- Tư vấn, hỗ trợ chính sách, pháp luật về thị trường, khoa học công nghệ, áp dụng kinh nghiệm tiên tiến trong sản xuất, kinh doanh, phát triển nông lâm nghiệp, ngư nghiệp.

- Tư vấn phát triển, ứng dụng công nghệ sau thu hoạch, chế biến nông lâm sản, thủy sản.

- Tư vấn, hỗ trợ cải tiến, hợp lý hoá sản xuất, hạ giá thành sản phẩm của tổ chức kinh tế tập thể và tư nhân trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủy lợi và phát triển nông thôn trên địa bàn cấp xã.

- Dịch vụ trong các lĩnh vực pháp luật, tập huấn, cung cấp thông tin, chuyển giao công nghệ, xúc tiến thương mại, thị trường giá cả, xây dựng dự án, cung cấp kỹ thuật, thiết bị và các hoạt động khác có liên quan đến nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Khuyến nông viên và thôn buôn giao.

8. Quyền hạn của Khuyến nông viên xã, phường, thị trấn

a) Được tham dự các Hội nghị của xã, phường, thị trấn bàn về phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt bàn về sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển nông thôn.

b) Được truyền đạt ý kiến chỉ đạo của UBND huyện, Trạm Khuyến nông – Khuyến ngư huyện với chính quyền xã, phường, thị trấn, thôn, buôn về lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp và cùng chính quyền bàn về biện pháp tổ chức thực hiện các ý kiến chỉ đạo đó.

c) Được tham mưu cho xã, phường, thị trấn về việc tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và cùng chính quyền địa phương tổ chức thực hiện kế hoạch có hiệu quả.

d) Được báo cáo và đề xuất với UBND huyện, Trạm Khuyến nông - Khuyến ngư những biện pháp nhằm giúp xã, phường, thị trấn thực hiện kế hoạch sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, khắc phục thiên tai.

9. Quyền hạn của Cộng tác viên khuyến nông thôn, buôn, bon

a) Được đề xuất với UBND xã, phường, thị trấn, bon, buôn các biện pháp tổ chức thực hiện công tác phát triển nông nghiệp nông thôn của thôn, buôn mình.

b) Phát hiện và báo cáo kịp thời với cơ quan chức năng các loại cây giống, con giống ngoài danh mục xuất hiện trên địa bàn.

c) Được đề nghị trưởng thôn, buôn, tổ chức các cuộc họp thôn, buôn để phát triển kế hoạch sản xuất nông nghiệp tại thôn, buôn.

Điều 2. Chế độ chính sách cụ thể đối với Khuyến nông viên, Cộng tác viên khuyến nông

1. Cán bộ Khuyến nông cơ sở công tác tại xã, phường, thị trấn được chính quyền nơi công tác tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn.

2. Được hưởng phụ cấp từ nguồn ngân sách của tỉnh giao về cho Trạm Khuyến nông - Khuyến ngư huyện chi trả hàng tháng theo hợp đồng.

a) Phụ cấp cho Khuyến nông viên xã: Được tính theo hệ số bằng 0,8 mức lương cơ bản/người/tháng.

b) Phụ cấp cho Cộng tác viên khuyến nông thôn, buôn: Được tính theo hệ số bằng 0,47 mức lương cơ bản/người/tháng, (riêng đối với các xã vùng biên giới, xã vùng III, xã đặc biệt khó khăn, phụ cấp cho Cộng tác viên khuyến nông thôn, buôn: Được tính theo hệ số bằng 0,52 mức lương cơ bản/người/tháng).

c) Phụ cấp cho Khuyến nông viên và Cộng tác viên khuyến nông được áp dụng điều chỉnh tăng phụ cấp theo lộ trình tăng lương cơ bản của Chính phủ.

3. Được hưởng phụ cấp sau khi ký hợp đồng.

4. Được cung cấp tài liệu kỹ thuật khuyến nông phục vụ cho công tác tuyên truyền phổ biến khoa học kỹ thuật.

5. Được tham gia các khóa đào tạo, tham quan, hội thảo nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ ... do Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư tỉnh, Trạm Khuyến nông - Khuyến ngư huyện tổ chức.

6. Được ưu tiên tiếp nhận mô hình trình diễn trong các mô hình trình diễn trong các chương trình khuyến nông hàng năm của huyện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế mục I, Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 08/2007/QĐ-UBND, ngày 08/3/2007 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Kế hoạch phát triển khuyến nông, khuyến ngư giai đoạn 2006-2010 và định hướng đến năm 2020.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Giám đốc Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư tỉnh và Thủ trưởng các Sở, Ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4; *7m*
- Bộ NN&PTNT;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TTKN Quốc gia;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Báo Đắk Nông; Đài PTTH tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN&PTNT, KHTH-Ph.

36

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Diễn